

Số: 467/QĐ - ĐHTV

Trà Vinh, ngày 12 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nghiệm thu và ban hành chương trình đào tạo
Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ bậc Đại học hình thức giáo dục Từ xa
(theo học chế tín chỉ)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-ĐHTV, ngày 19 tháng 3 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành Quy trình tổ chức, quản lý chương trình đào tạo và giáo trình;

Căn cứ Biên bản ngày 07 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nghiệm thu kết quả học tập và chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ hình thức giáo dục Từ xa *(theo học chế tín chỉ)*;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nghiệm thu và ban hành chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ hình thức giáo dục Từ xa *(theo học chế tín chỉ)*.

Điều 2. Đưa chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ hình thức giáo dục Từ xa *(theo học chế tín chỉ)* vào giảng dạy kể từ khóa tuyển sinh năm 2010.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức, Trưởng các Viện, Phòng, Khoa, Trung tâm, Bộ môn có liên quan và Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tiết Khánh

Nơi nhận:

- BGH;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TT, D&H.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

Hình thức giáo dục: Từ xa

(Ban hành tại Quyết định số: 467/QĐ – ĐHTV, ngày 12 tháng 5 năm 2011
của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn chuyên ngành Sư phạm ngữ văn Khmer Nam Bộ có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục, sử dụng tiếng Khmer thành thạo, có kỹ năng sư phạm; đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở phổ thông hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

✚ Về kiến thức:

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về khoa học Ngữ văn Khmer, về khoa học giáo dục. Có kiến thức chuyên sâu ở mức độ nhất định để có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu một số chuyên ngành: Văn học dân gian Khmer Nam Bộ, Lý luận và Phương pháp dạy học Ngữ văn Khmer, Ngôn ngữ Khmer Nam Bộ, .v.v.

✚ Về kỹ năng:

Có kỹ năng sư phạm, có kỹ năng sử dụng tiếng Khmer thành thạo, vận dụng tốt phương pháp dạy học nói chung và phương pháp dạy học Ngữ văn Khmer nói riêng; thực hiện yêu cầu đổi mới nội dung, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn Ngữ văn và Ngữ văn Khmer ở trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở và Tiểu học. Có kỹ năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu về chất lượng của sự nghiệp giáo dục cũng như những đòi hỏi ngày càng cao của xã hội.

✚ Về phẩm chất đạo đức:

Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam: thấm nhuần thế giới quan Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

✚ Cơ hội nghề nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp ngành này, sinh viên sẽ giảng dạy Ngữ văn Khmer tại các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp còn có thể làm công tác văn phòng, công tác nghiên cứu tại các viện, các trung tâm, các cơ quan đoàn thể, chính trị xã hội (hoạt động trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; theo dõi và quản lý hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ v.v.) có liên quan đến tiếng Khmer.

II. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Theo quy định của Trường Đại học Trà Vinh dành cho hệ đào tạo Từ xa.

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Tổng khối lượng chương trình: 120 tín chỉ

Trong đó:

- Lý thuyết 72 tín chỉ
- Thực hành: 41 tín chỉ
- khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung kiến thức: 07 tín chỉ

IV. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Theo quy định của Trường Đại học Trà Vinh dành cho hệ đào tạo Từ xa.

V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Theo quy định của Trường Đại học Trà Vinh dành cho hệ đào tạo Từ xa.

VI. THANG ĐIỂM:

Theo quy định của Trường Đại học Trà Vinh dành cho hệ đào tạo Từ xa.

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

- 7.1. Kiến thức giáo dục đại cương 28 tín chỉ
 - 7.1.1 Các môn lý luận chính trị: 10 tín chỉ
 - 7.1.2 Các môn khoa học xã hội: 18 tín chỉ
 - 7.1.3 Ngoại ngữ: (Học theo Quy định của Trường ĐHTV)
 - 7.1.4 Toán-Tin học-Khoa học tự nhiên-Công nghệ-Môi trường: 00 tín chỉ
 - 7.1.5 Giáo dục Thể chất: (Học theo Quy định của Trường ĐHTV)
 - 7.1.6 Giáo dục Quốc phòng –an ninh 00 tiết
- 7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 92 tín chỉ
 - 7.2.1 Kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ
 - 7.2.2 Kiến thức chuyên ngành chính : 63 tín chỉ
 - Bắt buộc: 63 tín chỉ
 - Tự chọn: 00 tín chỉ
 - 7.2.3 Kiến thức bổ trợ: 02 tín chỉ
 - 7.2.4 khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp: 7 tín chỉ

* Chưa kể khối kiến thức các môn Giáo dục quốc phòng – An ninh

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
			TS	LT	TH	T/học (nếu có)	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 28 tín chỉ (LT:28;TH:00)							
1. Các môn lý luận chính trị: 10 tín chỉ (LT:10;TH:00)							
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5	5			
2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
3		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3			
2. Các môn giáo dục đại cương: 18 tín chỉ (LT: 18; TH:00)							
2.1. Các môn học bắt buộc: 14 tín chỉ (LT:14; TH:00)							
4		Ngôn ngữ học đại cương	3	3			
5		Giáo dục học đại cương	2	2			

6		Tâm lý học đại cương	2	2		
7		Quản lý hành chính Nhà nước & Quản lý giáo dục đào tạo	2	2		
8		Văn bản lưu trữ	3	3		
9		Dân tộc học đại cương	2	2		
2.2. Các môn học tự chọn: 4 tín chỉ (LT:04;TH:00)						
10		Pháp luật đại cương	2	2		
11		Cơ sở văn hóa Việt Nam*	2	2		
12		Logic học	2	2		
13		Mỹ học	2	2		
14		Lịch sử Việt nam*	2	2		
15		Lịch sử Văn minh thế giới	2	2		
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 92 tín chỉ (LT: 44;TH: 41 chưa kể tốt nghiệp)						
1. Các môn học cơ sở ngành: 20 tín chỉ (LT:11;TH: 09)						
16		Tâm lý học lứa tuổi và giao tiếp sư phạm	2	1	1	
17		Thực hành tiếng Khmer trên máy tính	2		2	
18		Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy Ngữ văn Khmer	1		1	
19		Tiếng Việt thực hành	3	2	1	
20		Lý luận dạy học	3	2	1	
21		Tổ chức dạy học hợp tác	2	1	1	
22		Phương pháp đánh giá	2	1	1	
23		Văn học dân gian Việt Nam	3	2	1	
24		Phong tục và lễ hội Khmer Nam Bộ	2	2		
2. Các môn học chuyên ngành: 63 tín chỉ (LT: 32;TH: 31)						
25		Tiếng Khmer căn bản 1	3	2	1	
26		Tiếng Khmer căn bản 2	4	2	2	
27		Tiếng Khmer căn bản 3	4	2	2	
28		Ngữ âm Khmer 1	4	2	2	
29		Ngữ âm Khmer 2	4	2	2	
30		Từ vựng Khmer 1	4	2	2	
31		Từ vựng Khmer 2	4	2	2	
32		Ngữ pháp Khmer 1	4	2	2	
33		Ngữ pháp Khmer 2	4	2	2	
34		Viết Khmer 1	4	2	2	
35		Viết Khmer 2	4	2	2	
36		Phương pháp giảng dạy Ngữ văn Khmer	3	2	1	
37		Ngữ pháp Paly 1	3	2	1	
38		Ngữ pháp Paly 2	3	2	1	
39		Dịch Khmer 1	2	1	1	
40		Dịch Khmer 2	2	1	1	
41		Văn học dân gian Khmer Nam Bộ	3	2	1	
42		Niên luận 1	2		2	
43		Niên luận 2	2		2	
3. Các kỹ năng ngoại khóa: 02 tín chỉ (LT:01;TH:01)						
44		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	
4. Tốt nghiệp: 7 tín chỉ (LT:00;TH:07)						
Trường hợp 1:						
54		Khóa luận tốt nghiệp	7		7	10 tuần
Trường hợp 2: Thi tốt nghiệp						
55		Cơ sở ngành: Lý luận dạy học	3		3	

Chuyên ngành: <i>Viết Khmer, Phương pháp giảng dạy Ngữ văn Khmer</i>	4		4	
TỔNG CỘNG	120	72	41	Chưa kể tốt nghiệp

VIII. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Phân bổ các môn học theo từng học kỳ)

❖ HỌC KỲ I:

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
			TS	LT	TH	T/học (nếu có)	
1. Các môn học bắt buộc: 15 tín chỉ			15	14	1		
1.		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5	5			
2.		Tiếng Khmer căn bản 1	3	2	1		
3.		Tâm lý học đại cương	2	2			
4.		Giáo dục học đại cương	2	2			
5.		Ngôn ngữ học đại cương	3	3			
2. Các môn tự chọn: 2 tín chỉ			2	2			
1.		Pháp luật đại cương	2	2			
2.		Logic học	2	2			
3.		Lịch sử Việt Nam *	2	2			
Tổng cộng			17	16	01		

❖ HỌC KỲ II:

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
			TS	LT	TH	T/học (nếu có)	
1. Các môn học bắt buộc: 14 tín chỉ			16	12	4		
1		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2		Tiếng Khmer căn bản 2	4	2	2		
3		Tiếng Việt thực hành	3	2	1		
4		Tâm lý học lứa tuổi và giao tiếp sư phạm	2	1	1		
5		Dân tộc học đại cương	2	2			
6		Văn bản lưu trữ	3	3			
2. Các môn tự chọn: 2 tín chỉ			2	2			
1.		Mỹ học	2	2			
2.		Cơ sở văn hóa Việt Nam *	2	2			
3.		Lịch sử văn minh thế giới	2	2			
Tổng cộng			18	14	4		

❖ HỌC KỲ III:

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
			TS	LT	TH	T/học (nếu có)	
1		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3			
2		Văn học dân gian Việt Nam	3	2	1		
3		Tiếng Khmer căn bản 3	4	2	2		
4		Ngữ âm Khmer 1	4	2	2		
5		Từ vựng Khmer 1	4	2	2		
Tổng cộng			18	11	7		

❖ HỌC KỲ IV:

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
			TS	LT	TH	T/học (nếu có)	
1		Ngữ âm Khmer 2	4	2	2		
2		Từ vựng Khmer 2	4	2	2		
3		TH tiếng Khmer trên máy tính	2		2		
4		Lý luận dạy học	3	2	1		
5		Phương pháp NCKH	2	1	1		
Tổng cộng			15	7	8		

❖ HỌC KỲ V:

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
			TS	LT	TH	T/học (nếu có)	
2		Ngữ pháp Khmer 1	4	2	2		
3		Viết Khmer 1	4	2	2		
4		Văn học dân gian Khmer Nam Bộ	3	2	1		
5		Ngữ pháp Paly 1	3	2	1		
6		Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy Ngữ văn Khmer	1		1		
		*Niên luận 1	2		2		3 tuần
Tổng cộng			17	8	9		

❖ HỌC KỲ VI:

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
			TS	LT	TH	T/học (nếu có)	
1		Ngữ pháp Khmer 2	4	2	2		

2		Ngữ pháp Paly 2	3	2	1		
3		Viết Khmer 2	4	2	2		
4		Dịch Khmer 1	2	1	1		
7		Phương pháp giảng dạy Ngữ văn Khmer	3	2	1		
Tổng cộng			16	9	7		

❖ **HỌC KỲ VII:**

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
			TS	LT	TH	T/học (nếu có)	
1		Tổ chức dạy học hợp tác	2	1	1		
2		Dịch Khmer 2	2	1	1		
		Phong tục và lễ hội Khmer Nam Bộ	2	2	0		
3		Phương pháp đánh giá	2	1	1		
5		Quản lý HCNN & Quản lí giáo dục đào tạo	2	2			
7		* Niên luận 2	2		2		3 tuần
Tổng cộng			12	7	5		

❖ **HỌC KỲ VIII:**

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
			TS	LT	TH	T/học (nếu có)	
Trường hợp 1:							
55		Khóa luận tốt nghiệp	7		7		10 tuần
Trường hợp 2: Thi tốt nghiệp							
55	Cơ sở ngành: Lý luận dạy học		3		3		
	Chuyên ngành: Viết Khmer, Phương pháp giảng dạy Ngữ văn Khmer		4		4		
Tổng cộng			7		7		